

Về xác định tài sản thuộc sở hữu của chủ thể có nghĩa vụ để áp dụng các biện pháp phong tỏa tài sản

31/10/2025 14:16

(kiemsat.vn)

Phong tỏa tài sản là một biện pháp hữu hiệu nhằm giữ lại tài sản của người có nghĩa vụ. Thực tiễn cho thấy biện pháp phong tỏa tài sản nói chung được áp dụng tương đối phổ biến trong giải quyết các tranh chấp dân sự; tuy nhiên, quá trình áp dụng các biện pháp phong tỏa này còn một số bất cập cần khắc phục, đặc biệt là việc xác định điều kiện tài sản bị phong tỏa thuộc sở hữu của người có nghĩa vụ.

Mặc dù đối tượng tác động khác nhau nhưng nhìn chung, có thể thấy có 02 căn cứ để Tòa án quyết định áp dụng các biện pháp phong tỏa, đó là: Người yêu cầu phải chứng minh được tài sản đó thuộc sở hữu của người có nghĩa vụ (người bị yêu cầu); người yêu cầu phải chứng minh được việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời (BPKCTT) là cần thiết cho việc giải quyết vụ án hoặc việc thi hành án. Theo đó, tài sản bị phong tỏa phải thuộc sở hữu của người có nghĩa vụ là căn cứ áp dụng các BPKCTT có hành vi phong tỏa nói chung. Tuy nhiên, tùy thuộc từng loại BPKCTT phong tỏa cụ thể mà căn cứ này được gọi tên, cũng như có cách thức áp dụng khác nhau, từ đó phát sinh các bất cập khác nhau trong quá trình áp dụng.

1. Biện pháp phong tỏa tài khoản tại ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, kho bạc nhà nước

Đối với BPKCTT phong tỏa tài khoản tại ngân hàng, tổ chức tín dụng (TCTD) khác, kho bạc nhà nước, Điều 124 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 quy định một trong hai căn cứ để Tòa án có thẩm quyền áp dụng BPKCTT là: Có căn cứ cho thấy người có nghĩa vụ có tài khoản tại ngân hàng, TCTD khác, kho bạc nhà

nước. Người có nghĩa vụ trong trường hợp này được hiểu là người bị yêu cầu áp dụng BPKCTT, là người giả thiết phải thực hiện nghĩa vụ với bên yêu cầu áp dụng BPKCTT sau khi có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Việc xác minh thông tin về việc người có nghĩa vụ có tài khoản tại ngân hàng, TCTD, kho bạc nhà nước là nghĩa vụ của người yêu cầu Tòa án áp dụng BPKCTT.

Pháp luật tố tụng dân sự hiện nay không hướng dẫn cụ thể về việc xác định thông tin tài khoản ngân hàng của người có nghĩa vụ. Vấn đề đặt ra là: Thông tin này có cần có sự xác nhận của ngân hàng, TCTD hay kho bạc nhà nước nơi người có nghĩa vụ mở tài khoản không? Bởi vì, theo các khoản 2, 3 Điều 14 Luật các TCTD năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì: “Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải bảo đảm bí mật thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch của khách hàng tại TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi, các giao dịch của khách hàng tại TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng”. Việc yêu cầu thông tin về tài khoản của người có nghĩa vụ phải có sự xác nhận của ngân hàng, TCTD hay kho bạc nhà nước là rất khó khăn (trừ khi người yêu cầu là chính ngân hàng, TCTD hay kho bạc nhà nước nơi người có nghĩa vụ mở tài khoản). Tuy nhiên, nếu không yêu cầu xác nhận thông tin về tài khoản từ phía ngân hàng, TCTD, kho bạc nhà nước thì có thể việc áp dụng BPKCTT phong tỏa tài khoản tại ngân hàng, TCTD khác, kho bạc nhà nước không hiệu quả, không chính xác.

Thực tiễn cho thấy, thông thường, người yêu cầu áp dụng BPKCTT phong tỏa tài khoản của người có nghĩa vụ sẽ căn cứ vào thông tin về tài khoản ngân hàng, TCTD hay kho bạc nhà nước mà bên có nghĩa vụ cung cấp trong quá trình thực hiện giao dịch (ví dụ: Thông tin tài khoản ghi trong hợp đồng). Tác giả cho rằng, căn cứ

vào thông tin ghi trong hợp đồng giữa các bên là phù hợp với thực tiễn, có cơ sở để chứng minh người có nghĩa vụ có tài khoản tại ngân hàng, TCTD, kho bạc nhà nước; hoặc khi sử dụng dịch vụ ngân hàng trực tuyến internet banking, người dùng có thể nhập thông tin tài khoản để biết thông tin chủ tài khoản. Tuy nhiên, hiện nay, việc một số ngân hàng cho phép chủ tài khoản có thể “đặt nickname cho tài khoản” vô hình trung lại là “kẻ hở” cho những đối tượng có chủ đích lừa đảo lợi dụng và khiến việc xác định thông tin của chủ tài khoản gặp khó khăn, dễ nhầm lẫn.

Ngoài ra, vấn đề khác đặt ra là: Dù xác định được thông tin về tài khoản ngân hàng, TCTD hay kho bạc nhà nước của người có nghĩa vụ, nhưng thông tin cụ thể về số tiền trong tài khoản khó có thể xác định được, do đó, BPKCTT phong tỏa tài khoản của người có nghĩa vụ trong trường hợp này không hoặc hạn chế phát huy vai trò của nó. Ví dụ: Ông H khởi kiện yêu cầu ông C trả số tiền vay 500 triệu đồng và buộc ông C tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán xe ô tô, nếu không thực hiện thì phải bồi thường gấp đôi số tiền ông đã trả cho ông C là 1,4 tỉ đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã ra Quyết định áp dụng BPKCTT số 01/2021/QĐ-BPKCTT ngày 20/01/2021 về cấm chuyển dịch đối với tài sản đang tranh chấp; trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm ra Quyết định số 03/2021/QĐ-BPKCTT ngày 11/6/2021 về thay đổi BPKCTT phong tỏa tài khoản tại ngân hàng đối với số tiền 200 triệu đồng của bị đơn. Tuy nhiên, Văn bản số 679/CCTHADS ngày 30/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N xác định: Sau khi có Bản án phúc thẩm số 02/2022/DS-PT ngày 06/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, ông C phải trả tiền án phí là 58,5 triệu đồng, nên thực tế ông H nhận được 141,5 triệu đồng.

Trong ví dụ trên, mặc dù xác định được tài khoản ngân hàng của người có nghĩa vụ và thực tế Tòa án đã ra quyết định áp dụng BPKCTT phong tỏa tài khoản của người có nghĩa vụ, nhưng một phần số tiền trong tài khoản đã được xử lý trước đó (thanh toán án phí), nên số tiền còn lại trong tài khoản là 141,5 triệu đồng. Trong

khi đó, để Tòa án ra quyết định áp dụng BPKCTT này, người có quyền phải thực hiện biện pháp bảo đảm là gửi sổ tiết kiệm với số tiền 240 triệu đồng cho Tòa án (nhiều hơn 100 triệu đồng so với số tiền còn lại trong tài khoản của ông C).

Từ những phân tích trên, tác giả cho rằng, để đảm bảo tính khẩn cấp của BPKCTT thì Tòa án vẫn cần ra ngay quyết định áp dụng BPKCTT phong tỏa tài khoản ngân hàng, TCTD khác, kho bạc nhà nước khi có căn cứ (Điều 124 BLTTDS năm 2015) và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật (điều kiện về yêu cầu áp dụng BPKCTT; điều kiện về thực hiện biện pháp bảo đảm...). Bởi vì, về nguyên tắc, người yêu cầu phải chịu trách nhiệm về tính trung thực của những thông tin, tài liệu, chứng cứ mình cung cấp. Tuy nhiên, để việc áp dụng BPKCTT phong tỏa tài khoản hiệu quả, chính xác, đúng với thực tế và giúp giảm thiểu tối đa hậu quả do BPKCTT mang lại, trong trường hợp không biết chính xác thông tin về tài khoản của người có nghĩa vụ hoặc có sự nghi ngờ, thì cần có xác nhận từ phía ngân hàng, TCTD khác, kho bạc nhà nước nơi người có nghĩa vụ mở tài khoản. Cụ thể, cần bổ sung vào khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về các BPKCTT của BLTTDS (Nghị quyết số 02/2020) như sau: Trường hợp cần thiết, Tòa án yêu cầu ngân hàng, TCTD khác, kho bạc nhà nước cung cấp ngay thông tin về tài khoản của người có nghĩa vụ để làm cơ sở cho việc quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPKCTT phong tỏa tài khoản ngân hàng, TCTD khác, kho bạc nhà nước.

2. Biện pháp phong tỏa tài sản ở nơi gửi giữ

Đối với BPKCTT phong tỏa tài sản ở nơi gửi giữ, Điều 125 BLTTDS năm 2015 quy định “có căn cứ cho thấy người có nghĩa vụ có tài sản đang gửi giữ” là cơ sở để Tòa án quyết định áp dụng BPKCTT. Có thể thấy, nếu BPKCTT phong tỏa tài khoản ngân hàng, TCTD khác, kho bạc nhà nước có đối tượng tác động là tài khoản của người có nghĩa vụ tại ngân hàng, TCTD khác hoặc kho bạc nhà nước (trong tài

khoản có tiền của người có nghĩa vụ), thì đối tượng tác động của BPKCTT phong tỏa tài sản ở nơi gửi giữ là tài sản nói chung của người có nghĩa vụ đang được gửi giữ tại một chủ thể khác.

Theo quy định của pháp luật dân sự, tài sản gồm: Vật, tiền, giấy tờ có giá, quyền tài sản; tài sản bao gồm bất động sản và động sản; bất động sản và động sản có thể là tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai (Điều 105 Bộ luật Dân sự năm 2015). Theo đó, nếu tài sản là tiền của người có nghĩa vụ được gửi giữ ở ngân hàng, TCTD khác, kho bạc nhà nước mà chủ tài khoản không phải người có nghĩa vụ, thì BPKCTT được áp dụng là phong tỏa tài sản ở nơi gửi giữ. Ví dụ: Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định áp dụng BPKCTT phong tỏa số tiền 850 triệu đồng của bà Châu Thị Bảo T trong số tiền 2.704.680.875 đồng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ đang gửi giữ tại Ngân hàng C.

Tương tự, đối với các tài sản khác, để áp dụng BPKCTT này thì tài sản phải đang được gửi giữ. Nghĩa là tại thời điểm người có quyền yêu cầu áp dụng BPKCTT, tài sản đó đang không đặt dưới sự quản lý trực tiếp của người có nghĩa vụ, mà đang được giữ tại một địa điểm khác, do chủ thể khác nắm quyền quản lý trực tiếp. Chẳng hạn, lô hàng đang được lưu tại kho bãi mà kho bãi này do chủ thể thứ ba quản lý.

Vấn đề khó khăn khi xác định điều kiện áp dụng biện pháp phong tỏa tài sản ở nơi gửi giữ là làm cách nào để biết được tài sản đó thuộc sở hữu của người có nghĩa vụ. Thông thường, các tài sản bị áp dụng BPKCTT phong tỏa tài sản ở nơi gửi giữ là động sản. Trừ trường hợp động sản này được đăng ký sở hữu (như xe mô tô, xe ô tô...) hoặc có các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu (hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chứng minh lô hàng thuộc sở hữu của người có nghĩa vụ)..., còn lại rất khó để xác định chủ sở hữu thực sự đối với tài sản đang được gửi giữ. Hơn nữa, dù là các tài sản phải đăng ký quyền sở hữu hay có các tài liệu chứng minh quyền sở hữu, nhưng người yêu cầu cũng rất khó để có được các tài liệu này. Khi yêu cầu Tòa án áp dụng BPKCTT phong tỏa tài sản ở nơi gửi giữ, người có quyền khó có thể giao nộp các

tài liệu chứng minh tài sản thuộc sở hữu của người có nghĩa vụ. Vì vậy, tác giả cho rằng, tại thời điểm yêu cầu, người yêu cầu áp dụng BPKCTT phong tỏa tài sản ở nơi gửi giữ ngoài việc căn cứ vào các tài liệu chứng minh quyền sở hữu của người có nghĩa vụ đối với tài sản, có thể căn cứ vào các thông tin trong hợp đồng, hoặc trong trường hợp cần sự hỗ trợ từ Tòa án thì có thể yêu cầu Tòa án thu thập thông tin về chủ thể có quyền sở hữu tài sản. Việc yêu cầu sự hỗ trợ từ Tòa án trong thu thập chứng cứ cũng xuất phát từ nguyên tắc được quy định tại khoản 2 Điều 6 BLTTDS năm 2015: “Tòa án có trách nhiệm hỗ trợ đương sự trong việc thu thập chứng cứ và chỉ tiến hành thu thập, xác minh chứng cứ trong những trường hợp do Bộ luật này quy định”.

Do đó, tác giả kiến nghị bổ sung vào khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 02/2020 như sau: Người yêu cầu có thể yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ về tài sản bị yêu cầu áp dụng BPKCTT nếu đã áp dụng các biện pháp mà không thu thập được. Ví dụ: Người yêu cầu áp dụng BPKCTT phong tỏa tài sản tại nơi gửi giữ đã áp dụng các biện pháp nhưng không xác minh được thông tin về chủ sở hữu đối với tài sản ở nơi gửi giữ.

3. Biện pháp phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ

Đối với BPKCTT phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ, BLTTDS năm 2015 quy định một trong hai căn cứ áp dụng là: Có căn cứ cho thấy người có nghĩa vụ có tài sản (Điều 126). Tương tự với BPKCTT phong tỏa tài sản ở nơi gửi giữ, đối tượng bị áp dụng BPKCTT phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ là tài sản của người có nghĩa vụ, đối tượng tác động của BPKCTT nhưng pháp luật không quy định cụ thể tài sản này đang do chủ sở hữu quản lý hay đang được gửi giữ tại chủ thể thứ ba. Tác giả cho rằng, cần phân tách cụ thể để tránh sự trùng lặp, cũng như có sự thống nhất trong áp dụng theo hướng BPKCTT phong tỏa tài sản ở nơi gửi giữ sẽ được áp dụng nếu tài sản của người có nghĩa vụ đang do chủ thể thứ ba quản lý, trường hợp

người có nghĩa vụ trực tiếp quản lý tài sản của mình thì phải áp dụng BPKCTT phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

“Có căn cứ cho thấy người có nghĩa vụ có tài sản” là điều kiện tiên quyết để áp dụng BPKCTT phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ. Bởi vì, BPKCTT này nhằm giữ lại tài sản của người có nghĩa vụ phục vụ việc giải quyết vụ án hoặc thi hành án. Do đó, khi và chỉ khi xác định được tài sản đó thuộc sở hữu của người có nghĩa vụ, thì việc áp dụng BPKCTT này mới có thể đáp ứng mục đích nêu trên. Tuy nhiên, việc xác định tài sản thuộc sở hữu của người có nghĩa vụ không phải là vấn đề đơn giản. Đối với tài sản là bất động sản hay động sản phải đăng ký quyền sở hữu thì có cơ sở để Tòa án xác định đó là tài sản của người có nghĩa vụ. Thực tiễn giải quyết cho thấy, có rất nhiều vấn đề vướng mắc liên quan đến đối tượng bị áp dụng BPKCTT phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ:

Một là, tài sản đó thuộc sở hữu của người có nghĩa vụ nhưng đang được dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ khác. Trước khi có Nghị quyết số 02/2020, không hiếm trường hợp tài sản đã được dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ khác nhưng vẫn bị áp dụng BPKCTT phong tỏa tài sản. Ví dụ: “Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ tiền mua hàng, đồng thời biết được bị đơn có tài sản là quyền sử dụng đất đang thế chấp tại ngân hàng và nguyên đơn có yêu cầu áp dụng biện pháp phong tỏa tài sản của bị đơn (người có nghĩa vụ). Tòa án vẫn chấp nhận áp dụng biện pháp phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ và đưa ngân hàng vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để bảo đảm quyền của đương sự. Chính vì vậy, khi xét xử, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải hủy bỏ quyết định áp dụng BPKCTT - phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ theo điểm e khoản 1 Điều 138 BLTTDS năm 2015, căn cứ áp dụng BPKCTT không còn”. Qua ví dụ này có thể thấy, Tòa án còn lúng túng trong việc quyết định có hay không áp dụng BPKCTT phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ khi tài sản đó đang được thế chấp tại ngân hàng.

Theo khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 02/2020, không được phép áp dụng BPKCTT phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với tài sản được dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ mà biện pháp bảo đảm đã phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba, trừ trường hợp người yêu cầu áp dụng BPKCTT đồng thời là bên nhận bảo đảm.

Tác giả cho rằng, trường hợp áp dụng BPKCTT phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với tài sản đang thế chấp tại ngân hàng mà làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ngân hàng thì không được phép là hợp lý. Tuy nhiên, nếu việc áp dụng BPKCTT này không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bên nhận bảo đảm và bên nhận bảo đảm đồng ý thì hoàn toàn có khả năng áp dụng. Giả sử, tài sản được bảo đảm có giá trị lớn hơn so với giá trị nghĩa vụ được bảo đảm và người nhận bảo đảm đồng ý áp dụng BPKCTT đối với tài sản được bảo đảm đó, thì Tòa án có thể áp dụng BPKCTT phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ. Do đó, tác giả kiến nghị sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 02/2020 như sau: “a) Tài sản được dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ mà biện pháp bảo đảm đã phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba theo quy định tại Điều 297 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 (sau đây gọi tắt là Bộ luật Dân sự), trừ trường hợp người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đồng thời là bên nhận bảo đảm hoặc trường hợp bên nhận bảo đảm đồng ý áp dụng BPKCTT đối với tài sản bảo đảm”.

Hai là, tài sản là bất động sản hay động sản phải đăng ký quyền sở hữu thuộc quyền sở hữu của người có nghĩa vụ, nhưng tại thời điểm người có quyền yêu cầu Tòa án áp dụng BPKCTT phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ thì tài sản này đang được chuyển nhượng cho chủ thể thứ ba. Liên quan đến trường hợp này, Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân tối cao (Công văn số 89) hướng dẫn như sau: “Nếu bị đơn đã ký hợp đồng mua bán nhà ở với bên mua, hợp đồng đã được công chứng mà bên mua đã trả đủ tiền và nhận bàn giao nhà ở từ bên bán thì kể từ thời điểm này nhà ở đã không còn thuộc quyền sở hữu hợp pháp

của bị đơn, nên Tòa án không được áp dụng BPKCTT phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ; nếu hợp đồng mua bán nhà ở giữa bị đơn với người mua đã được công chứng, nhưng người mua chưa thanh toán đủ tiền mua hoặc chưa nhận nhà từ bên bán bàn giao thì tài sản đó vẫn còn thuộc quyền sở hữu của bị đơn, nên Tòa án được áp dụng BPKCTT phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS”. “Nếu bị đơn đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bên nhận chuyển nhượng, hợp đồng đã được công chứng và đã hoàn thành thủ tục đăng ký vào sổ địa chính thì kể từ thời điểm này thửa đất không thuộc quyền sử dụng của bị đơn, nên Tòa án không được áp dụng BPKCTT phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ; nếu đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bên nhận chuyển nhượng, hợp đồng đã được công chứng, nhưng chưa đăng ký vào sổ địa chính thì thửa đất đó vẫn thuộc quyền sử dụng của bị đơn, nên Tòa án được áp dụng BPKCTT phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS”.

Thực tiễn giải quyết cho thấy, Tòa án áp dụng hướng dẫn trên như sau: Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất giữa ông T, bà P với bà A xác lập ngày 29/12/2017, bà A giao đủ tiền cho ông T, bà P để thanh toán nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, giải chấp để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất do ông T, bà P đứng tên xác lập hợp đồng, có công chứng và xác lập biên bản giao nhận nhà đất. Như vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 122 Luật nhà ở năm 2014 thì hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà gắn liền với đất ở giữa ông T, bà P với bà A đã có hiệu lực từ ngày công chứng (ngày 29/12/2017). Cùng ngày, bà M gửi đơn yêu cầu Tòa án phong tỏa tài sản và được Tòa án nhân dân huyện C ban hành Quyết định áp dụng BPKCTT số 02/2018/QĐ-BPKCTT ngày 03/01/2018 là không đúng pháp luật và trái với hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao tại Công văn số 89.

Tuy nhiên, Công văn số 89 không phải là văn bản quy phạm pháp luật, nên không là “quy tắc xử sự chung” và không có “hiệu lực bắt buộc chung”. Hơn nữa, hướng dẫn nêu trên của Tòa án nhân dân tối cao chỉ đề cập đến loại tài sản là nhà và đất, trường hợp tài sản đó là động sản phải đăng ký quyền sở hữu thì chưa có hướng dẫn cụ thể. Chẳng hạn, một loại tài sản tương đối phổ biến trong thực tiễn áp dụng BPKCTT phong tỏa tài sản là xe ô tô. Theo quy định của pháp luật, khi mua mới xe ô tô, chủ sở hữu xe phải làm thủ tục đăng ký xe; khi nhận chuyển nhượng, người nhận chuyển nhượng cũng phải làm thủ tục đăng ký sang tên (Điều 6 Thông tư số 24/2023/TT-BCA ngày 01/7/2023 của Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi đăng ký, biển số xe cơ giới). Do đó, nếu xe cơ giới chưa được đăng ký xe hay đăng ký sang tên cho người có nghĩa vụ thì không có cơ sở để áp dụng BPKCTT phong tỏa tài sản.

Theo tác giả, trên tinh thần Công văn số 89 thì cần hướng dẫn cụ thể trong Nghị quyết số 02/2020 về tài sản bị phong tỏa như sau: Tại thời điểm yêu cầu áp dụng BPKCTT phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ, nếu tài sản đã hoặc đang thuộc quyền sở hữu của người có nghĩa vụ thì người yêu cầu có thể yêu cầu áp dụng BPKCTT đối với tài sản đó, nếu tài sản bị yêu cầu áp dụng BPKCTT không còn thuộc quyền sở hữu hoặc chưa thuộc quyền sở hữu của người có nghĩa vụ thì không được áp dụng BPKCTT. Việc xác định thời điểm chuyển quyền sở hữu căn cứ theo quy định của pháp luật có liên quan.

Bên cạnh đó, tùy thuộc vào thời điểm chuyển quyền sở hữu để xác định tại thời điểm yêu cầu áp dụng BPKCTT, tài sản bị yêu cầu thuộc sở hữu của người bị yêu cầu hay người thứ ba. Trường hợp tại thời điểm yêu cầu áp dụng BPKCTT tài sản đã được chuyển quyền sở hữu cho người có nghĩa vụ thì có thể yêu cầu.ρ

Phạm Thị Thúy

Theo Tạp chí Kiểm sát in số 03/2025

Tài liệu tham khảo:

1. Bản án số 97/2023/DS-ST ngày 29/6/2023 của Tòa án nhân dân quận Ô Môn.
2. Bản án số 23/2023/DS-PT ngày 06/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.
3. Bản án số 67/2023/DS-PT ngày 31/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.
4. Bản án số 107/2022/DS-PT ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.
5. Lê Hồng Sơn (2020), Biện pháp khẩn cấp tạm thời - Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, tr.20.
6. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2023), Tập bài giảng Lý luận về Nhà nước và pháp luật, Nxb. Hồng Đức, tr.520.
7. Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (2023), “6 điều cần biết khi đặt “nickname” cho tài khoản ngân hàng”, <https://vnba.org.vn/vi/6-dieu-can-biet-khi-dat--nickname--cho-tai-khoan-ngan-hang-12430.htm>.